

LỊCH HỌC THỰC HÀNH
(TUẦN: 8 - Từ ngày 09 tháng 10 đến ngày 15 tháng 10 năm 2017)

ĐƠN VỊ: TT Cơ khí

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học												Giáo viên	Ghi chú		
							Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7				CN	
							Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng			Ca	Phòng
1	ĐH	K9	CK1	1		TH. CNC	1	CD												Đặng Xuân Thao		
2	ĐH	K9	CK1	2		TH. CNC	2	CD												Đặng Xuân Thao		
3	ĐH	K9	CK1	3		TH. CNC	3	CD												Đặng Xuân Thao		
4	ĐH	K9	CK2	1		TH. CNC									1	CD				Đặng Xuân Thao		
5	ĐH	K9	CK2	2		TH. CNC									2	CD				Đặng Xuân Thao		
6	ĐH	K9	CK2	3		TH. CNC									3	CD				Đặng Xuân Thao		
7	ĐH	K9	CK3	1		TH. CNC				1	CNC2									Cao Thế Anh	T	
8	ĐH	K9	CK3	2		TH. CNC				2	CNC2									Lê Quang Lâm	T	
9	ĐH	K9	CK4	1		TH. CNC			1	CD										Đặng Xuân Thao		
10	ĐH	K9	CK4	2		TH. CNC			2	CD										Đặng Xuân Thao		
11	ĐH	K9	CK4	3		TH. CNC			3	CD										Đặng Xuân Thao		
12	ĐH	K9	CK4	4		TH. CNC											1	CD		Đặng Xuân Thao		
13	ĐH	K9	CK5	1		TH. CNC								1	CD					Đặng Xuân Thao		
14	ĐH	K9	CK5	2		TH. CNC								2	CD					Đặng Xuân Thao		
15	ĐH	K9	CK5	3		TH. CNC								3	CD					Đặng Xuân Thao		
16	ĐH	K9	CK5	4		TH. CNC											2	CD		Đặng Xuân Thao		
17	ĐH	K9	CK6	1		TH. CNC					1	CNC2								Cao Thế Anh	T	
18	ĐH	K9	CK6	2		TH. CNC					2	CNC2								Cao Thế Anh	T	
19	ĐH	K9	CK6	3		TH. CNC					3	CNC2								Lê Quang Lâm	T	
20	ĐH	K9	CK6	4		TH. CNC					1	CD								Đặng Xuân Thao		
21	ĐH	K9	CĐT1	1		TH. CNC			3	CNC2										Lê Quang Lâm	T	
22	ĐH	K9	CĐT1	2		TH. CNC			1	CNC2										Cao Thế Anh	T	
23	ĐH	K9	CĐT1	3		TH. CNC			2	CNC2										Cao Thế Anh	T	
24	ĐH	K9	CĐT1	4		TH. CNC				3	CNC1									Lê Quang Lâm	T	
25	ĐH	K9	CĐT2	1		TH. CNC	3	CNC2												Lê Quang Lâm	T	
26	ĐH	K9	CĐT2	2		TH. CNC	1	CNC2												Cao Thế Anh	T	
27	ĐH	K9	CĐT2	3		TH. CNC	2	CNC2												Cao Thế Anh	T	
28	CD	K17	Cơ điện 3	1		TH. CNC								1	CNC2					Cao Thế Anh	T	
29	CD	K17	Cơ điện 3	2		TH. CNC								2	CNC2					Cao Thế Anh	T	
30	ĐH	K11	CĐT1	1		TH. CG1			1	T3										Trần Ngọc Tân	TT	

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học												Giáo viên	Ghi chú			
							Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7				CN		
							Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng			Ca	Phòng	
31	ĐH	K11	CĐT1	2		TH. CG1			1	T2									Vũ Văn Khiêm	TT			
32	ĐH	K11	CĐT1	3		TH. CG1			2	P1									Trần Ngọc Hiên	P			
33	ĐH	K11	CĐT1	4		TH. CG1			2	BX									Đỗ Hồng Việt	P			
34	ĐH	K11	CĐT2	1		TH. CG1						2	T1						Trần Trung Hiếu	TT			
35	ĐH	K11	CĐT2	2		TH. CG1						1	T3						Trần Ngọc Tân	TT			
36	ĐH	K11	CĐT2	3		TH. CG1						1	P2						Hoàng Văn Nam	P			
37	ĐH	K11	CĐT2	4		TH. CG1						2	BX						Đỗ Hồng Việt	P			
38	ĐH	K11	CĐT3	4		TH. CG1									1	T3			Trần Ngọc Hiên	P			
39	CĐ	K18	CTM1	1		TH. CG2	1	P1	1	P1									Trần Ngọc Hiên	P			
40	CĐ	K18	CTM1	2		TH. CG2	2	BX	1	BX									Đỗ Hồng Việt	P			
41	CĐ	K18	CTM1	3		TH. CG2	1	T2	3	T2									Vũ Văn Khiêm	TT			
42	CĐ	K18	CTM1	4		TH. CG2	1	T3	3	T3									Trần Ngọc Tân	TT			
43	CĐ	K18	CĐT1	1		TH. CG1						1	P1						Trần Ngọc Hiên	P			
44	CĐ	K18	CĐT1	2		TH. CG1						2	P2						Hoàng Văn Nam	P			
45	CĐ	K18	CĐT1	3		TH. CG1						1	BX						Đỗ Hồng Việt	P			
46	CĐ	K18	CĐT1	4		TH. CG1											1	BX	Đỗ Hồng Việt	P			
47	CĐ	K18	CĐT2	1		TH. CG1												T2	Vũ Văn Khiêm	TT			
48	CĐ	K18	CĐT2	2		TH. CG1												T2	Vũ Văn Khiêm	TT			
49	CĐ	K18	CĐT2	3		TH. CG1												T3	Trần Ngọc Tân	TT			
50	CĐ	K18	CĐT2	4		TH. CG1									1	T1			Trần Trung Hiếu	TT			
51	CĐN	K9	CGKL1	1		TH. PHAY	1	P2	3	P2	1	P2	3	P2	1-2	P2		P2	Hoàng Văn Nam	P			
52	CĐN	K9	CGKL1	2		TH. PHAY	2	P1	3	P1	1	P1	2	P1	1-2	P1	2	P1	Trần Ngọc Hiên	P			
53	CĐN	K9	CGKL1	3		TH. PHAY	3	P2	3	P2	2	P2	3	P3	1	P2	3	P3	Đỗ Hồng Việt	P			
54	CĐN	K9	CGKL1	4		TH. PHAY	1	P3											H. Xuân Thịnh	P			
55	LET CO	K14	CẮT GỌT	1		TH.CG	2	T3	2	T3	2	T3	2	T3					Trần Ngọc Tân	TT			
56	LET CO	K14	CẮT GỌT	2		TH.CG	2	T2	2	T2	2	T2	2	T2					Vũ Văn Khiêm	TT			
57	ĐH	9	CK1 17012503101090 1	1	22	Thực hành hàn 2503101					1	H1							N.T. Giang				
58				2	22						1	H2								Đỗ Thái Phúc			
59				3	23							1	H2									Đặng T Hiếu	
60	ĐH	9	CK4 17012503101090 4	1	20	Thực hành hàn 2503101								1	H1				N.T. Giang				
61				2	20									1	H2					Đỗ Thái Phúc			
62				3	20												1	H2				Đặng T Hiếu	
63				4	20												1	H3				Đ.Q. Hưng	
64	ĐH	9	CK5 17012503101090	1	20	Thực hành hàn						1	H1						N.T. Giang				
65				2	20						1	H2									Đỗ Thái Phúc		

